

Thứ hai, ngày 11 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Giảm điểm trước áp lực bán mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 12/11/2019		•	
Tuần 11/11-15/11/2019			•
Tháng 11/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index chủ yếu vận động giằng co trong biên độ hẹp quanh mốc tham chiếu khi VHM, TCB, HPG là các động lực nâng đỡ chỉ số còn VIC, MSN, MWG gây áp lực lên đà tăng. Đến phiên chiều, các mã bluechips VIC, SAB, GAS mở rộng biên độ giảm và kéo chỉ số xuống dưới mốc 1020 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về bên bán với 208 mã giảm điểm. Bên cạnh sự rung lắc đến từ áp lực bán chốt lời của nhà đầu tư trong nước, sự không chắc chắn trong tiến trình hoàn tất và kí kết thỏa thuận giai đoạn 1 giữa Trung và Mỹ cũng phần nào khiến thị trường duy trì tâm lí thận trọng.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 925 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 11/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng.

Danh mục i-Invest: Theme Chiến tranh thương mại_ 0.5%. 10/18 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX. Đặc biệt, **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**, con số này của VNINDEX là -0.6%.

Phân tích kỹ thuật: GEG_Tích lũy (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-5.74 điểm**, đóng cửa 1,026.75. HNX-Index **-0.51 điểm**, đóng cửa 106.76.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+0.19); HPG (+0.08); FPT (+0.08); ROS (+0.07); VNM (+0.04).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.55); SAB (-0.90); GAS (-0.77); MSN (-0.76); CTG (-0.37).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,555 tỷ đồng**, **+3.5%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 8.42 điểm. Thị trường có 121 mã tăng, 60 mã tham chiếu và 208 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **9.85 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VRE (33.87 tỷ), VHM (30.92 tỷ) và HPG (26.56 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **3.67 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

1016.75

Giá trị: 3555.14 tỷ

-5.74 (-0.56%)

Khối ngoại (ròng): 9.85 tỷ

HNX-INDEX

106.76

Giá trị: 225.25 tỷ

-0.51 (-0.48%)

Khối ngoại (ròng): -3.67 tỷ

UPCOM-INDEX

56.72

Giá trị: 253.78 tỷ

-0.01 (-0.02%)

Khối ngoại (ròng): -11.88 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.7	-0.94%
Giá vàng	1,465	0.43%
Tỷ giá USD/VND	23,199	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,630	#DIV/0!
Tỷ giá JPY/VND	21,291	0.25%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	0.28%
LS TPCP 5 năm	2.5%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	33.9	MSN	39.6
VHM	30.9	VNM	27.1
HPG	26.6	SAB	20.3
HDB	22.0	VJC	19.3
DXG	9.1	VIC	11.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **10/18 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**, con số này của VNINDEX là -0.6%.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **9/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**
- **4/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_0.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Chiến tranh thương mại	0.5%	0.5%	-1.6%	-5.5%	-5.4%	-1.6%	9.2%
BDS & Khu công nghiệp	0.2%	0.9%	1.8%	3.4%	5.6%	11.1%	64.7%
Lãi suất giảm	-0.2%	0.5%	-1.3%	0.9%	0.1%	3.8%	55.5%
FTSE Việt Nam	-0.3%	-0.4%	3.6%	7.2%	3.8%	17.6%	91.5%
Nước & Năng lượng	-0.4%	-0.6%	0.1%	2.2%	-2.2%	12.9%	53.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.4%	0.3%	3.6%	12.6%	10.3%	8.9%	46.7%
Ngân hàng	-0.4%	0.3%	3.6%	15.2%	17.9%	18.9%	92.7%
Xây dựng	-0.4%	0.3%	-5.8%	-1.1%	-7.7%	-8.0%	24.9%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	0.0%	0.9%	3.2%	2.7%	9.0%	9.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.5%	0.5%	0.9%	-2.9%	-3.1%	17.7%	50.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.6%	-0.3%	2.0%	7.5%	16.4%	18.6%	85.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.6%	-0.5%	2.4%	5.7%	12.8%	21.1%	96.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.6%	-0.5%	2.5%	5.0%	0.9%	12.8%	84.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.7%	-0.8%	1.6%	7.0%	9.1%	13.3%	75.0%
Hàng tiêu dùng	-0.7%	-1.4%	-2.3%	0.0%	4.6%	11.8%	64.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.7%	0.4%	2.4%	-0.2%	-6.9%	-8.6%	51.1%
Xây dựng & Vật liệu XD	-1.0%	-0.5%	-1.4%	2.1%	-3.2%	-1.4%	-3.0%
Dầu khí	-1.2%	-1.0%	0.5%	-1.1%	-7.5%	-0.1%	22.5%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 9	0.4%	0.0%	2.3%	7.4%	9.2%	14.8%	62.8%
Danh mục 14	0.0%	0.0%	2.8%	6.4%	11.8%	13.1%	56.2%
Danh mục 1	-0.1%	-0.2%	2.1%	8.0%	10.5%	13.4%	97.6%
Danh mục 17	-1.3%	-1.2%	-1.0%	0.7%	6.4%	36.1%	179.9%
Danh mục 6	-1.4%	-1.1%	-0.4%	6.1%	11.7%	19.4%	121.3%

* Note **9/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 20	0.1%	0.4%	2.2%	4.7%	13.8%	21.4%	59.2%
Danh mục 19	-0.1%	-0.1%	2.0%	7.3%	14.5%	28.2%	63.4%
Danh mục 21	-0.2%	-0.6%	1.9%	7.4%	13.0%	21.7%	72.8%
Danh mục 24	-0.7%	-1.2%	1.4%	4.5%	18.6%	38.7%	105.5%
Danh mục 23	-0.8%	-0.2%	-0.2%	-0.1%	6.2%	39.2%	144.7%

* Note **4/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

INDEX							
VNINDEX	-0.6%	-0.6%	2.5%	5.2%	4.2%	10.3%	50.5%
VN30INDEX	-0.5%	-0.1%	2.5%	7.0%	5.4%	3.6%	45.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

11/11/2019

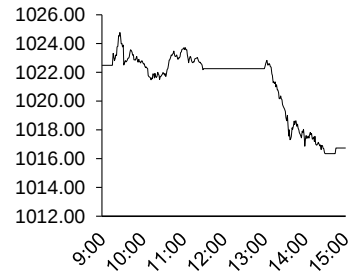
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

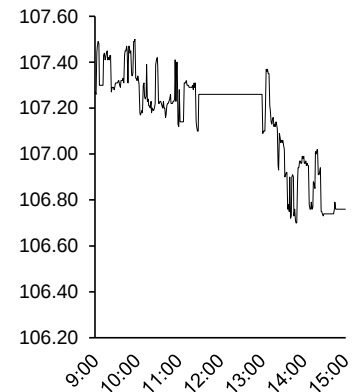
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Công nghệ Thông tin	0.7%
Tài nguyên Cơ bản	0.4%
Bảo hiểm	0.1%
Y tế	0.0%
Ô tô và phụ tùng	0.0%
Dầu khí	0.0%
Viễn thông	0.0%
Truyền thông	-0.1%
Xây dựng và Vật liệu	-0.2%
Ngân hàng	-0.3%
Du lịch và Giải trí	-0.4%
Hóa chất	-0.4%
Bất động sản	-0.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.7%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.8%
Dịch vụ tài chính	-0.8%
Thực phẩm và đồ uống	-1.0%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.1%
Bán lẻ	-1.7%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

GEG_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: tăng dần trên mốc 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: GEG vẫn đang ở trong trạng thái tích lũy tại khu vực 27-29 suốt 3 tháng qua. Thanh khoản cổ phiếu vẫn duy trì ổn định trong những phiên gần đây. Đáng chú ý, hôm nay, chỉ báo MACD đã xuất hiện Golden Cross cho thấy cổ phiếu có thể tăng giá trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, việc chỉ báo động lượng RSI chưa đi vào vùng quá mua đồng thời đường EMA12 duy trì trên đường EMA26 càng củng cố cho tiềm năng vận động tích cực của GEG trong thời gian tới. Tuy vậy cổ phiếu vẫn cần thêm động lực đủ mạnh để có thể bứt phá khỏi ngưỡng cản 29, nếu điều đó xảy ra thì GEG có thể tiến tới tiếp cận khu vực giá xung quanh 32.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

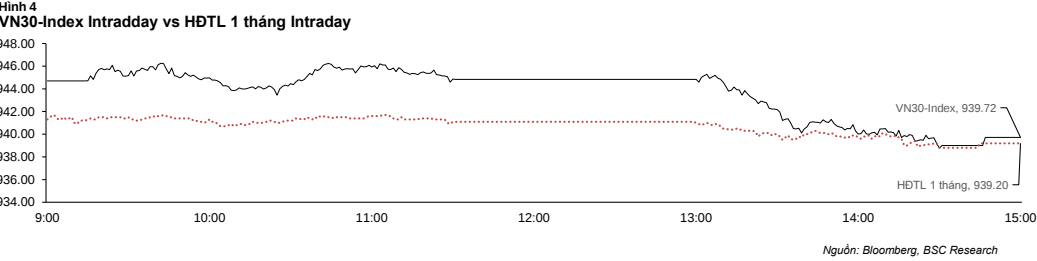
TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	939.20	-0.35%	-0.52	-24.7%	31339	11/21/2019	12
VN30F1912	939.10	-0.25%	-0.62	-63.3%	133	12/19/2019	40
VN30F2003	939.80	-0.09%	0.08	-83.3%	13	3/19/2020	131
VN30F2006	940.40	-0.32%	0.68	-71.4%	28	6/18/2020	222

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -4.98 điểm xuống mức 939.72 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MSN, MWG, VIC, VPB, và SAB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm điểm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 vận động tích lũy quanh vùng giá 944-946 điểm. Sang phiên chiều, VN30 giảm mạnh xuống dưới ngưỡng 940 điểm. Thanh khoản tăng, đồng thuận cùng điều chỉnh ngắn hạn, VN30 có thể tích lũy quanh vùng giá 930-940 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn và cả dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 925 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVIC1901	KIS	11/14/2019	3	5:1	399,020	399.6%	2.0 triệu	17.88%	1,960	50	25.00%	-	
CFPT1904	MBS	11/19/2019	8	3:1	428,290	39.9%	3.0 triệu	20.15%	1,700	2,610	4.40%	2,684.70	0.97
CMBB1904	SSI	1/22/2020	72	1:1	83,640	40.6%	2.0 triệu	16.94%	2,900	3,170	4.28%	1,804.30	1.76
CFPT1903	SSI	12/30/2019	49	1:1	40,980	259.2%	2.0 triệu	20.15%	6,000	15,700	3.97%	15,151.90	1.04
CFPT1905	SSI	4/22/2020	163	1:1	26,260	-22.6%	1.0 triệu	20.15%	9,900	10,760	3.96%	7,067.20	1.52
CVRE1902	HSC	4/8/2020	149	4:1	145,260	21.0%	5.0 triệu	24.92%	1,300	1,650	2.48%	972.50	1.70
CFPT1906	HSC	4/8/2020	149	5:1	131,730	-28.7%	5.0 triệu	20.15%	1,700	2,000	0.50%	1,091.70	1.83
CTCB1901	MBS	1/17/2020	67	2:1	323,610	104.2%	2.0 triệu	20.38%	1,680	1,730	0.00%	1,037.60	1.67
CVJC1902	SSI	4/22/2020	163	1:1	12,470	-44.0%	1.0 triệu	14.99%	27,900	29,120	-0.17%	16,367.80	1.78
CVHM1902	SSI	4/22/2020	163	1:1	11,210	-21.4%	1.0 triệu	25.09%	18,600	22,370	-0.40%	16,705.10	1.34
CMBB1903	SSI	4/22/2020	163	1:1	90,350	101.4%	3.0 triệu	16.94%	4,000	4,010	-0.74%	2,244.50	1.79
CMBB1902	HSC	12/17/2019	36	1:1	255,670	193.0%	1.0 triệu	16.94%	3,200	3,990	-0.99%	1,790.40	2.23
CMWG1903	HSC	12/30/2019	49	5:1	73,870	-58.1%	2.0 triệu	20.60%	2,700	6,000	-1.64%	5,491.00	1.09
CNVL1901	KIS	2/7/2020	88	4:1	191,980	88.1%	5.0 triệu	20.25%	1,900	1,620	-2.41%	270.10	6.00
CMWG1902	VND	12/11/2019	30	4:1	29,220	N/A	2.4 triệu	20.60%	2,990	8,300	-3.49%	8,062.70	1.03
CMBB1905	HSC	4/8/2020	149	2:1	613,760	233.0%	5.0 triệu	16.94%	1,700	1,740	-5.95%	750.80	2.32
CMWG1904	SSI	12/30/2019	49	1:1	14,770	19.8%	1.0 triệu	20.60%	14,000	35,230	-6.65%	32,472.10	1.08
CSTB1901	KIS	1/9/2020	59	1:1	190,460	48.0%	1.5 triệu	19.73%	1,390	1,250	-7.41%	339.40	3.68
CVNM1903	SSI	4/22/2020	163	1:1	25,230	-46.1%	1.0 triệu	18.56%	26,600	25,400	-7.64%	13,743.60	1.85
CMWG1907	HSC	4/8/2020	149	10:1	359,280	58.5%	5.0 triệu	20.60%	1,900	1,650	-8.33%	407.10	4.05
CMWG1906	MBS	12/16/2019	35	5:1	588,430	43.4%	3.0 triệu	20.60%	2,850	1,520	-24.00%	783.70	1.94
CHPG1906	KIS	11/14/2019	3	2:1	331,800	-59.1%	5.0 triệu	25.83%	1,500	10	-66.67%	-	
CREE1901	MBS	11/19/2019	8	3:1	143,190	N/A	3.0 triệu	23.65%	1,260	110	-70.27%	199.10	0.55
Tổng:					6,200,560		113.2 triệu	20.84%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 11/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng.
- Về giá, CREE1901 và CHPG1906 giảm mạnh nhất lần lượt là -70.27% và -66.67%. Trái lại, CVIC1901 tăng mạnh nhất 25.00%. Thanh khoản thị trường tăng 22.42%. CVRE1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.10% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, MWG, VHM, VJC và REE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
FPT	60.00	0.67	0.30
HPG	22.80	0.44	0.23
TCB	25.15	0.20	0.16
ROS	25.40	1.60	0.13
VHM	98.70	0.20	0.10

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	74.5	-2.99	-1.49
MWG	121.9	-2.17	-1.07
VIC	118.9	-1.33	-0.99
VPB	21.9	-1.13	-0.58
SAB	255.1	-1.88	-0.48

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVIC1901	150,688	140,888	118,900
CFPT1904	57,100	52,000	60,000
CMBB1904	24,900	22,000	23,450
CFPT1903	56,154	45,140	60,000
CFPT1905	64,900	55,000	60,000
CVRE1902	37,700	32,500	34,700
CFPT1906	65,500	57,000	60,000
CTCB1901	26,860	23,500	25,150
CVJC1902	157,900	130,000	142,800
CVHM1902	103,600	85,000	98,700
CMBB1903	26,000	22,000	23,450
CMBB1902	26,300	21,800	23,450
CMWG1903	25,800	95,000	121,900
CNVL1901	69,688	62,088	58,100
CMWG1902	48,130	90,000	121,900
CMBB1905	26,400	23,000	23,450
CMWG1904	165,000	90,000	121,900
CSTB1901	12,278	10,888	10,800
CVNM1903	146,600	120,000	129,300
CMWG1907	144,000	125,000	121,900
CMWG1906	135,150	120,900	121,900
CHPG1906	31,088	28,088	22,800
CREE1901	41,330	37,550	37,650

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	121.9	-2.2%	0.7	2,347	5.7	8,321	14.6	4.8	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	84.7	-1.2%	1.0	820	1.6	4,839	17.5	4.6	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	73.6	0.0%	1.3	2,243	0.4	1,889	39.0	3.3	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.0	0.0%	0.7	322	0.1	2,801	11.4	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	118.9	-1.3%	1.0	17,297	1.5	1,589	74.8	5.1	15.1%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.7	0.1%	1.1	3,513	3.4	1,033	33.6	2.8	31.8%	8.8%
NVL	Bất động sản	58.1	-0.3%	0.8	2,350	0.6	3,187	18.2	2.6	7.4%	15.5%
REE	Bất động sản	37.7	-1.2%	1.0	508	1.3	5,614	6.7	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	16.3	0.6%	1.4	374	2.0	3,215	5.1	1.0	46.0%	25.9%
SSI	Chứng khoán	21.7	-1.6%	1.4	479	1.7	1,769	12.3	1.1	56.6%	9.4%
VCI	Chứng khoán	34.0	-0.7%	1.0	243	0.2	5,067	6.7	1.5	38.1%	24.7%
HCM	Chứng khoán	25.0	-2.2%	1.5	332	1.7	1,287	19.4	1.8	57.4%	10.2%
FPT	Công nghệ	60.0	0.7%	0.8	1,769	5.7	4,688	12.8	3.0	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	46.0	0.0%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	104.3	-1.3%	1.5	8,679	1.3	5,886	17.7	4.4	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	59.1	0.2%	1.5	3,060	0.4	3,467	17.0	3.2	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.9	-0.5%	1.7	393	1.3	2,062	9.2	0.7	22.3%	8.5%
BSR	Dầu khí	9.9	-1.0%	0.8	1,335	0.5	1,163	8.5	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.9	-0.1%	0.5	534	0.0	4,535	20.7	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.7	-0.4%	0.7	233	0.1	650	21.1	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.2	0.0%	0.6	166	0.0	625	11.5	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	91.3	-0.2%	1.3	14,723	1.7	5,274	17.3	4.2	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	41.3	0.0%	1.5	7,222	1.3	2,109	19.6	2.5	3.4%	13.5%
CTG	Ngân hàng	22.0	-1.6%	1.6	3,553	3.7	1,641	13.4	1.1	30.0%	8.5%
VPB	Ngân hàng	21.9	-1.1%	1.2	2,292	1.5	3,341	6.6	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	23.5	0.2%	1.1	2,371	13.9	3,261	7.2	1.4	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	24.7	-0.4%	1.1	1,779	1.9	3,585	6.9	1.6	44.3%	25.9%
BMP	Nhựa	52.7	-0.6%	0.8	188	0.4	5,073	10.4	1.7	80.0%	16.5%
NTP	Nhựa	31.9	-0.3%	0.3	136	0.0	4,603	6.9	1.2	20.7%	17.8%
MSR	Tài nguyên	17.1	-0.6%	1.2	669	0.1	732	23.4	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.8	0.4%	1.0	2,737	8.0	2,526	9.0	1.4	37.6%	17.4%
HSG	Thép	7.4	0.0%	1.6	136	0.8	890	8.3	0.6	16.6%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	129.3	0.1%	0.7	9,790	3.6	5,527	23.4	8.3	58.9%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	255.1	-1.9%	0.8	7,113	0.2	7,365	34.6	9.1	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	74.5	-3.0%	1.2	3,786	3.7	4,512	16.5	2.6	40.0%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.9	-0.3%	0.5	482	1.0	440	43.0	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	77.8	-0.3%	0.8	7,364	0.0	2,630	29.6	5.5	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	142.8	-0.3%	1.1	3,252	2.7	9,850	14.5	5.5	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	36.0	-0.4%	1.7	2,217	0.6	1,747	20.6	2.8	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	25.2	-0.6%	0.8	325	0.2	1,949	12.9	1.2	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.1	0.0%	0.6	209	0.1	2,571	6.7	1.2	31.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	87.2	-1.5%	0.9	607	0.9	8,338	10.5	4.4	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.8	-0.3%	0.8	366	0.1	1,398	13.4	1.3	13.6%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.4	-6.4%	0.8	255	0.2	1,912	8.0	1.0	6.2%	13.8%
CTD	Xây dựng	73.0	-2.0%	0.7	242	0.2	9,842	7.4	0.7	48.4%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.1	-0.7%	1.1	520	0.3	1,557	17.4	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.1	0.4%	0.5	260	0.3	1,845	13.1	1.1	51.7%	8.8%
POW	Điện	13.4	-0.7%	0.6	1,364	1.4	820	16.3	1.3	14.1%	7.8%
NT2	Điện	23.0	0.0%	0.6	288	0.2	2,721	8.5	1.6	19.4%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	98.70	0.20	0.20	765160.00
HPG	22.80	0.44	0.08	8.00MLN
FPT	60.00	0.67	0.08	2.18MLN
ROS	25.40	1.60	0.07	28.53MLN
TCB	25.15	0.20	0.05	3.59MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HUT	2.60	8.33	0.04	2.87MLN
MBG	48.40	4.31	0.04	209400.00
VC3	18.30	3.39	0.04	390700.00
TIG	5.90	7.27	0.03	952200.00
VNR	20.00	5.26	0.02	600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	118.90	-1.33	-1.58	281300.00
SAB	255.10	-1.88	-0.93	21390.00
MSN	74.50	-2.99	-0.79	1.14MLN
GAS	104.30	-1.32	-0.79	279720.00
CTG	21.95	-1.57	-0.38	3.88MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.70	-0.40	-0.17	1.72MLN
SHB	6.70	-1.47	-0.11	2.49MLN
PGS	30.10	-7.10	-0.08	200.00
VCS	87.20	-1.47	-0.04	227500.00
NVB	9.00	-1.10	-0.04	801500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BCG	8.56	7.00	0.02	1.44MLN
DTL	27.55	6.99	0.03	10.00
PIT	3.85	6.94	0.00	2930.00
HAR	4.01	6.93	0.01	1.12MLN
BTT	35.50	6.93	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	1.00	11.1	0.00	1.20MLN
BED	37.40	10.0	0.00	1000.00
MCF	9.90	10.0	0.00	100.00
PPP	11.00	10.0	0.00	5600.00
VIG	1.10	10.0	0.00	556200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VDS	7.07	-6.97	-0.02	6030.00
RIC	5.85	-6.85	0.00	20.00
TTB	16.50	-6.78	-0.02	20300.00
EMC	10.00	-6.54	0.00	520.00
VDP	32.00	-6.43	-0.01	50.00

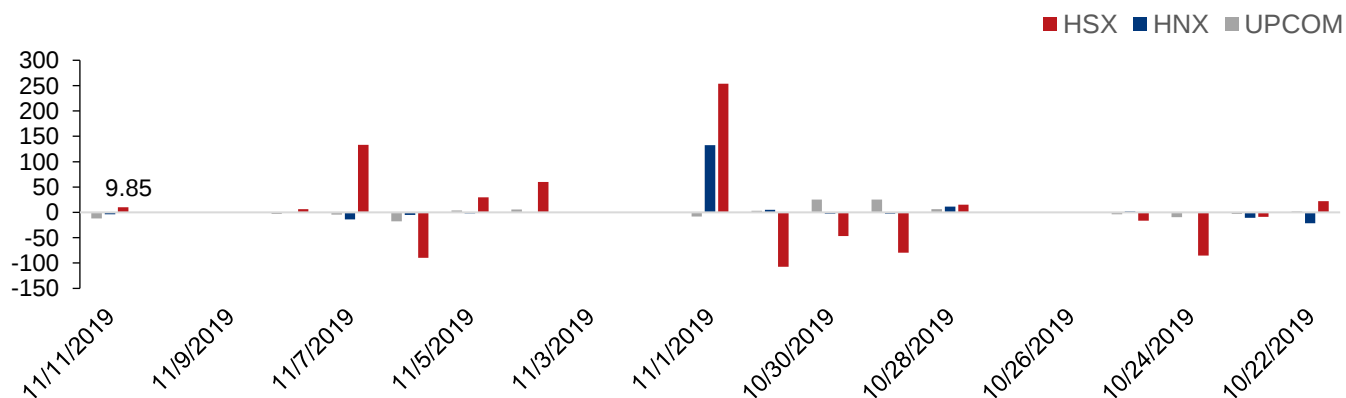
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PSE	6.50	-9.72	0.00	3900.00
SJE	22.30	-9.72	-0.03	1300.00
MAC	5.60	-9.68	-0.01	6500.00
HBS	1.90	-9.52	0.00	12600.00
NBP	13.40	-9.46	0.00	400.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	26.8	3,491	7.7	1.3	Click
2	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.2	2,246	8.5	0.9	Click
3	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.0	3,678	10.3	0.7	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	74.5	4,512	16.5	2.6	Click
5	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	129.3	5,527	23.4	8.3	Click
6	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.6	2,887	7.8	1.6	Click
7	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	37.7	5,614	6.7	1.2	Click
8	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	79.2	14,958	5.3	1.5	Click
9	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.6	2,279	3.8	0.6	Click
10	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.7	3,585	6.9	1.6	Click
11	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.3	1,079	12.3	1.1	Click
12	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	91.3	5,274	17.3	4.2	Click
13	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.7	1,723	13.1	1.7	Click
14	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.5	3,261	7.2	1.4	Click
15	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	57.5	2,801	20.5	3.4	Click
16	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	25.2	1,949	12.9	1.2	Click
17	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.3	3,391	7.8	1.8	Click
18	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	60.0	4,688	12.8	3.0	Click
19	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.9	649	21.4	1.2	Click
20	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	121.9	8,321	14.6	4.8	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2019Q4	28/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 21873; Giá tại Publish 19350 Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.
Express SBT 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 18700 Kết thúc niên độ 2018-2019 (18-19) , SBT đạt KQKD tiếp tục suy giảm do tình hình khó khăn chung của ngành đường. DTT và LNST đạt lần lượt là 10,857 tỷ đồng (+5.5% YoY) và 259.3 tỷ đồng (-52% YoY), tương đương EPS đạt 437 VND/CP, qua đó SBT chỉ hoàn thành được 94% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch LNTT. Tổng sản lượng tiêu thụ đường tăng trưởng tốt đạt 749,000 tấn (+31% YoY) tuy nhiên sản lượng mía ép chỉ đạt 2,761 ngàn tấn (-26% YoY) khiến cho sản lượng đường sản xuất giảm còn 542 ngàn tấn (-10% YoY), nguyên nhân chủ yếu là do tình hình biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng bởi El Nino với nắng hạn kéo dài.
Express HT1 2019Q4	22/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 18200; Giá tại Publish 16000 Doanh thu thuần 9T2019 đạt 6,553 tỷ (+8.1% YoY), hoàn thành 73.4% kế hoạch năm nhờ: (1) Sản lượng 9T đạt 5.4 triệu tấn (+9.7% YoY); (2) Giá bán bình quân giảm do năm 2019 tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời của HT1 tăng từ 27% (2018) lên khoảng 33% trong 2019. Tuy nhiên, HT1 cho biết trong Q3 công ty đã tiến hành rà soát lại giá bán, điều chỉnh tăng với những vùng có giá bán thấp bất hợp lý. Biến LNG trong 9T2019 tăng từ 16.4% cùng kỳ lên 17.1%, chúng tôi cho rằng biến LNG được cải thiện 1 phần nhờ hỗ trợ bởi giá than (khoảng 30% giá vốn) giảm khoảng 50,000 đồng/tấn (tương đương giảm 1.5-2%). Giá than công ty nhập trong T10 vẫn đang trong xu hướng giảm sẽ hỗ trợ biến LN trong Q4/2019.
Express PHR 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59300 KQKD 9 tháng: DT đạt 685 tỷ đồng (+3% yoy) và LNST đạt 429 tỷ đồng (+23.4% yoy) đến chủ yếu từ doanh thu mủ cao su đạt đến từ sản lượng 20,281.6 tấn (+4.6% yoy) với giá bán bình quân lũy kế 33.5 triệu đồng/tấn (-1.7% yoy), giá bán bình quân tháng 9 đạt 32.3 triệu đồng, cho thấy mức giá cao su vẫn chưa phục hồi. So với kế hoạch đặt ra đạt 68% lợi nhuận sau thuế. Lũy kế thu mua 9 tháng, sản lượng thu mua giảm đạt 8,709 tấn (-12.5% yoy) giúp cải thiện biên lợi nhuận từ mức 6.6% lên 8.1% do mảng thu mua gần như không có lãi.
Express DRC 2019Q4	15/10/2019	KKhuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28381; Giá tại Publish 24450 Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biến LNG cải mức 11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn